TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị T; sinh năm: 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn T1 (Hồ Văn T2); sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị T trình bày:

- Chị Thị T và vợ là anh Hồ Văn T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 85 ngày 26/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 (hai) con chung là cháu Hồ Kim N, sinh ngày 21/6/2012 và cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 03/6/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu N và cháu T3 và chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hồ Văn T1 trình bày:

- Anh Hồ Văn T1 và chồng là chị Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như lời trình bày của chị T. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau chị T có người khác ở bên ngoài nên chủ động yêu cầu ly hôn với anh T1. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 thống nhất ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 (hai) con chung là cháu Hồ Kim N, sinh ngày 21/6/2012 và cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 03/6/2015. Khi ly hôn anh T1 thống nhất giao 02 (hai) con chung là cháu N và cháu T3 cho chị T trược tiếp nuôi dưỡng và anh T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản ý kiến nộp cho Tòa án, cháu Hồ Kim N và cháu Hồ Văn T3 thể hiện ý kiến, nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha, mẹ của cháu ly hôn.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản sao), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Đơn xin xác nhận; Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của bị đơn.

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh ngày 03/4/2025.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Thị T và Anh Hồ Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 26/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ, chồng Chị Thị T và anh Hồ Văn T1 có 02 (hai) con chung là cháu Hồ Kim N, sinh ngày 21/6/2012 và cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 03/6/2015.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

- Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Hồ Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Hồ Kim N, sinh ngày 21/6/2012 và cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 03/6/2015.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh Hồ Văn T1 chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị T và anh Hồ Văn T1. Về con chung: Chị Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Hồ Kim N, sinh ngày 21/6/2012 và cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 03/6/2015. Anh Hồ Văn T1 chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T và anh Hồ Văn T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 85 ngày 26/10/2015. Xét thấy việc kết hôn của chị T và anh T1 tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc. Bị đơn anh T1 thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và thống nhất ly hôn với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên và tạo điều kiện để vợ, chồng đoàn tụ nhưng anh T1 vắng mặt nên không hòa giải được. Tuy nhiên, tại các bản tự khai thì chị T và anh T1 đều thống nhất thuận tình ly hôn. Từ đó cho thấy vợ, chồng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ. Xét thấy hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và việc thuận tình ly hôn của chị T và anh T1 phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

[5] Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Hồ Kim N, sinh ngày 21/6/2012 và cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 03/6/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu N và cháu T3 đều thể hiện ý kiến, nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha, mẹ của các cháu ly hôn. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận. Sau khi ly hôn, anh T1 có nghĩa vụ, quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chị T có nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với anh T1 theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Người trực tiếp nuôi con là chị T không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là anh T1 cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nên mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8; Điều 9; Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị T và anh Hồ Văn T1.

2. Về con chung: Chị Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Hồ Kim N, sinh ngày 21/6/2012 và cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 03/6/2015.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong

việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Hồ Văn T1 chưa phải cấp dưỡng cho con.

4. Về án phí:

Nguyên đơn chị Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009094 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Thị T được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn anh Hồ Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Võ Thị Ánh Trúc